

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/LĐ-ST

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

V/v: “*Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 3 - Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai tham gia
phiên tòa:** Ông Trần Phú Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng
Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 68/2026/TLST-LĐ ngày
16/4/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2026/QĐXXST-LĐ ngày
27/7/2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Bích T**, sinh năm 1979;

Căn cước công dân số: 092179010962 cấp ngày 07/12/2022

Nơi cư trú: **Khu phố T, phường C, tỉnh An Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Hồ Ngọc T1:** Ông **Vũ Ngọc H**,
sinh năm 1977; bà **Dương Thị T2**, sinh năm 1995; ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm
1979; Cùng địa chỉ liên hệ: 14 **H, phường T, thành phố Đ.**

* Bị đơn: **Công ty TNHH S;**

Địa chỉ: **Số F, đường C, ấp B, xã T, thành phố Đ;**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Phúc T3** - Chức vụ: Giám
đốc.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội thành phố
Đ;**

Địa chỉ: **Số B đường H, phường T, thành phố Đ.**

Người đại diện theo pháp luật: ông **Phạm Minh T4** - Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đinh Thị Phương H1** - Chức vụ: Phó
Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Phạm Thị Bích T** và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Nguyễn Văn V** trình bày:*

Từ tháng 3/2014, bà **Phạm Thị Bích T** được tuyển dụng vào làm việc cho **Công ty TNHH T6**, khi bà **Phạm Thị Bích T** làm việc cho **Công ty TNHH T6** thì giữa bà và **Công ty TNHH T6** có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (Do thời gian đã lâu nên bà đã làm mất hợp đồng lao động ký kết với **Công ty TNHH T6**). Đến tháng 01/2020, **công ty TNHH T6** đổi chủ sở hữu và đổi tên thành **Công ty TNHH S**. Sau khi đổi chủ sở hữu và đổi tên thành **Công ty TNHH S** thì bà **Phạm Thị Bích T** vẫn tiếp tục làm việc cho **Công ty TNHH S** (sau đây gọi tắt là công ty) nhưng công ty không giao kết hợp đồng lao động với bà. Bà **Phạm Thị Bích T** vẫn tiếp tục làm việc cho **Công ty TNHH S**, công việc của bà là làm: công nhân xử lý trước ráp; Mức lương đóng BHXH trước khi nghỉ việc: 4.965.870 đồng/tháng. Việc bà **Phạm Thị Bích T** tiếp tục làm việc cho **Công ty TNHH S** được xem như là loại hợp đồng không xác định thời hạn.

Trong thời gian làm việc bà **Phạm Thị Bích T** luôn hoàn thành nhiệm vụ nhưng ngày 20/11/2022, công ty có Quyết định số 161/2022/QĐTV-AFM về việc giải quyết cho thôi việc, cho bà **Phạm Thị Bích T** nghỉ việc kể từ ngày 20/11/2022, phần căn cứ ban hành công ty căn cứ vào “đơn xin nghỉ việc của bà **Phạm Thị Bích T**”. Tuy nhiên, thực tế bà **Phạm Thị Bích T** không làm đơn xin nghỉ việc vì bà rất cần công việc để làm. Bà **Phạm Thị Bích T** bắt đầu nghỉ việc tại **Công ty TNHH S** từ ngày 20/11/2022 sau khi bà nhận Quyết định giải quyết cho thôi việc.

Thời gian sau khi nghỉ việc tại **Công ty TNHH S** đến nay: Từ tháng 10/2025, bà **Phạm Thị Bích T** có đi làm tại **Công ty TNHH C** và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2025 đến tháng 01/2026 tại **Công ty TNHH C**.

Nhận thấy việc **Công ty TNHH S** cho bà **T** nghỉ việc mà không có lý do là không đúng quy định của pháp luật, bà **Phạm Thị Bích T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố Quyết định về việc giải quyết cho thôi việc số 161/2022/QĐTV- AFM ngày 20/11/2022 của **Công ty TNHH S** là trái pháp luật.

Buộc **Công ty TNHH S** phải thực hiện các nghĩa vụ do **công ty Đ** chấm dứt hợp đồng trái luật:

+ Trả tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 20/11/2022 đến ngày Tòa án xét xử, tạm tính đến ngày 20/10/2023 là 11 tháng: 4.965.870 đồng/tháng x 11 tháng = 54.624.570 đồng.

+ Trả thêm một khoản ít nhất bằng 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 4.965.870 đồng/tháng x 02 tháng = 9.931.740 đồng.

+ Truy đóng BHYT, BHXH, BHTN trong những ngày tôi không được làm việc từ ngày 20/11/2022 đến ngày Tòa án xét xử, tạm tính đến ngày 20/10/2023 là 11 tháng: 4.965.870 đồng/tháng x 11 tháng x 21,5% = 11.744.283 đồng.

Tuy nhiên, sau khi tiếp cận tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập và do các đương sự khác cung cấp tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Đề nghị Tòa tuyên quyết định số 161/2022/QĐTV-AFM ngày 20/11/2022 của Công ty TNHH S là trái quy định pháp luật.

2. Buộc Công ty TNHH S phải thực hiện cho bà các yêu cầu do công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật:

a. Trả tiền lương trong những ngày bà Phạm Thị Bích T không được làm việc từ ngày 20/11/2022 đến ngày 20/9/2025 là 34 tháng: $4.965.870 \text{ đồng/tháng} \times 34 \text{ tháng} = 168.839.580 \text{ đồng}$.

b. Trả thêm một khoản ít nhất bằng 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: $4.965.870 \text{ đồng/tháng} \times 2 \text{ tháng} = 9.931.740 \text{ đồng}$.

c. Truy đóng BHXH, BHYT, BHTN trong những ngày bà Phạm Thị Bích T không được làm việc, mức đóng và tỷ lệ đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Tổng cộng số tiền bà T yêu cầu công ty TNHH S thanh toán cho bà T là 178.771.320 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Bà Phạm Thị Bích T xác định không yêu cầu được nhận trở lại làm việc.

* Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH S, ông Nguyễn Phúc T3 trình bày:

Trước đây ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S, tuy nhiên ông đã nộp đơn từ chức và kể từ ngày 08/11/2022 ông không còn là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S. Từ khi nghỉ việc tại Công ty TNHH S, ông không còn tham gia quản lý, điều hành và cũng không nắm được tình hình hoạt động của Công ty TNHH S. Việc Công ty TNHH S đã thực hiện thủ tục thay đổi Người đại diện theo pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền hay chưa ông cũng không được biết. Nay nếu Tòa án vẫn triệu tập ông tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S thì ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án, nếu Tòa án tiến hành xét xử vụ án thì đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông.

* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Đ, bà Đinh Thị Phương HI trình bày:

Bà Phạm Thị Bích T, sinh ngày 01/01/1979, mã số BHXH 7514151860, có quá trình tham gia đóng BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) tại Công ty TNHH S (tên cũ Công ty TNHH T6) từ tháng 03/2014 đến tháng 10/2022. Bà Phạm Thị Bích T đã được trợ cấp thất nghiệp đối với thời gian đóng BHTN.

Trong trường hợp nếu Tòa án tuyên việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty TNHH S đối với bà Phạm Thị Bích T là trái quy định của pháp luật, Hợp đồng lao động của bà Phạm Thị Bích T với Công ty TNHH S tiếp tục còn hiệu lực, Công ty TNHH S phải trả tiền lương cho bà Phạm Thị Bích T trong những

ngày không được làm việc do lỗi của Công ty, thì Công ty TNHH S phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà Phạm Thị Bích T theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/6/2026, bà Đinh Thị Phương H1 có Văn bản trình bày ý kiến bổ sung: Qua tra cứu dữ liệu của ngành BHXH, bà Phạm Thị Bích T, sinh ngày 01/01/1979, mã số BHXH 7514151860, sau khi nghỉ việc tại Công ty TNHH S, bà T có quá trình tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Công ty TNHH C từ tháng 10/2025 đến tháng 01/2026. Trong trường hợp số tháng phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN trùng với thời gian bà Phạm Thị Bích T đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại đơn vị sử dụng lao động khác, thì thời gian này Công ty TNHH S chỉ phải truy đóng BHTNLĐ-BNN và tiền lãi truy thu theo quy định.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định. Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự: chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án:

Bà Phạm Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Quyết định về việc giải quyết cho thôi việc số 161/2022/QĐTV-AFM ngày 20/11/2022 của Công ty TNHH S đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Phạm Thị Bích T là trái pháp luật, đồng thời yêu cầu giải quyết hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Người bị kiện là Công ty TNHH S có địa chỉ trụ sở chính tại: Số F đường C, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cũ (nay là xã T, thành phố Đ). Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

[1.2] Về xác định tư cách đương sự và tổng đạt văn bản tố tụng:

Căn cứ Điều 68 và Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định: bà **Phạm Thị Bích T** là nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bà **T** là ông **Nguyễn Văn V**; **Công ty TNHH S** là bị đơn; **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do bà **Đinh Thị Phương H1** đại diện ủy quyền; ngoài ra không còn cá nhân, tổ chức nào khác là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Theo tài liệu, chứng cứ do Phòng Đăng ký kinh doanh **Sở Tài chính thành phố Đ** cung cấp, thể hiện: **Công ty TNHH S** được Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3600275361, đăng ký lần đầu ngày 24/3/1997, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 18/4/2023 có địa chỉ trụ sở chính tại: **Số F đường C, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; người đại diện theo pháp luật là ông **Nguyễn Phúc T3**, chức danh: Giám đốc; tình trạng pháp lý: theo thông tin đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, **Công ty TNHH S** ở tình trạng đang hoạt động, chưa thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc tạm ngừng kinh doanh giải thể tại Phòng Đăng ký kinh doanh kể từ đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 18/4/2023 đến nay. Do đó, căn cứ các Điều 85, 178, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 12, 30 và 31 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Tòa án vẫn xác định ông **Nguyễn Phúc T3** là người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH S** và tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông **Nguyễn Phúc T3** với tư cách là người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH S**, đồng thời tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ trụ sở **Công ty TNHH S** theo luật định.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa, ông **Vũ Ngọc H**, ông **Nguyễn Văn V**, bà **Dương Thị T2**, ông **Nguyễn Phúc T3** và bà **Đinh Thị Phương H1** đều vắng mặt và đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.4] Về xem xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập quan hệ lao động giữa bà **Phạm Thị Bích T** với **Công ty TNHH S**:

Nguyên đơn trình bày mặc dù hai bên không ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản nhưng bà **Phạm Thị Bích T** làm việc thường xuyên, liên tục cho **Công ty TNHH S** với công việc là công nhân xử lý trước ráp, được trả lương hàng tháng và tham gia BHXH bắt buộc. Tài liệu do **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ** cung cấp thể hiện bà **Phạm Thị Bích T** có tham gia BHXH tại **Công ty TNHH S** với

mức tiền lương đóng BHXH là 4.965.870 đồng/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Bộ luật Lao động năm 2019: Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Bộ luật Lao động năm 2019: Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Căn cứ quá trình làm việc thực tế của bà **T** tại **Công ty TNHH S**, việc trả lương và tham gia BHXH bắt buộc, có cơ sở để xác định giữa bà **Phạm Thị Bích T** và **Công ty TNHH S** tồn tại quan hệ lao động thực tế, quan hệ lao động được hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ vào Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2019 thì hợp đồng lao động có hiệu lực kể từ ngày hai bên giao kết.

[2.2] Xét tính hợp pháp của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động:

Ngày 20/11/2022, **Công ty TNHH S** ban hành Quyết định số 161/2022/QĐTV-AFM về việc giải quyết cho thôi việc đối với bà **Phạm Thị Bích T**, tại phần căn cứ cho thôi việc của Quyết định này ghi: “Xét đơn xin nghỉ việc của bà **Phạm Thị Bích T**”. Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận việc làm đơn xin nghỉ việc.

Mặc dù bị đơn **Công ty TNHH S** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH S** ông **Nguyễn Phúc T3** cũng không trình bày ý kiến về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của **Công ty TNHH S** đối với bà **Phạm Thị Bích T** và không trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đương sự là người lao động trong vụ án lao động mà không cung cấp, giao nộp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ vì lý do tài liệu, chứng cứ đó đang do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ thì người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ đó cho Tòa án; Người lao động khởi kiện vụ án đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thuộc trường hợp người sử dụng lao động không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về người sử dụng lao động. Theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đương sự có nghĩa vụ giao nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, trường hợp không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019:

Người sử dụng lao động chỉ được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong các trường hợp luật định. Trong vụ án này, bị đơn Công ty TNHH S không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà Phạm Thị Bích T tự nguyện xin nghỉ việc, cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Phạm Thị Bích T là đúng pháp luật.

Như vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 4 Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019: Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định Công ty TNHH S đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà Phạm Thị Bích T.

[2.3] Về yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019: Trường hợp người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thì phải trả tiền lương cho những ngày người lao động không được làm việc và phải trả thêm cho người lao động ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động. Nguyên đơn không yêu cầu được nhận trở lại làm việc mà chỉ yêu cầu thanh toán tiền lương trong thời gian không được làm việc và khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương. Mức tiền lương làm căn cứ giải quyết yêu cầu bồi thường được xác định theo tài liệu do Bảo hiểm xã hội thành phố Đ cung cấp là: 4.965.870 đồng/tháng.

Sau khi bà Phạm Thị Bích T nghỉ việc tại Công ty TNHH S, bà tiếp tục làm việc tại Công ty TNHH C và tham gia BHXH từ tháng 10/2025 đến tháng 01/2026. Vì vậy, thời gian những ngày không được làm việc của bà T được tính từ ngày 20/11/2022 đến ngày 20/9/2025, tròn 34 tháng. Tiền lương trong thời gian bà T không được làm việc được xác định như sau: 4.965.870 đồng/tháng x 34 tháng = 168.839.580 đồng. Công ty TNHH S còn phải thanh toán cho bà Phạm Thị Bích T khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là: 4.965.870 đồng/tháng x 02 tháng = 9.931.740 đồng.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T về việc buộc Công ty TNHH S phải thanh toán tiền lương trong những ngày bà T không được làm việc và 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty TNHH S phải thanh toán cho bà Phạm Thị Bích T: 168.839.580 đồng tiền lương trong thời gian bà T không được làm việc và 9.931.740 đồng tiền lương 02 tháng theo hợp đồng lao động; tổng cộng là 178.771.320 đồng.

[2.4] Về yêu cầu truy đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN:

Căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019: Trường hợp người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thì phải đóng BHXH, BHYT, BHTN cho những ngày người lao động không được làm việc. Căn cứ khoản 1 Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019: Người sử dụng lao động và người lao động phải tham gia BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN theo quy

định của pháp luật. Căn cứ Điều 2, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 43 của Luật Việc làm năm 2013; Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 41, 43 của : Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, BHTN, BHYT và BHTNLĐ-BNN.

Theo ý kiến của đại diện **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ** cung cấp: Trường hợp Tòa án tuyên việc chấm dứt hợp đồng lao động của **Công ty TNHH S** đối với bà **Phạm Thị Bích T** là trái pháp luật thì Công ty phải thực hiện nghĩa vụ về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đối với bà **Phạm Thị Bích T** theo quy định. Bà **Phạm Thị Bích T** có quá trình tham gia BHXH tại **Công ty TNHH S** từ tháng 03/1014 đến tháng 10/2022 và từ tháng 10/2025 đến tháng 01/12026. Trong trường hợp số tháng phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN trùng với thời gian bà **Phạm Thị Bích T** đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại đơn vị sử dụng lao động khác, thì thời gian này **Công ty TNHH S** chỉ phải truy đóng BHTNLĐ-BNN và tiền lãi truy thu theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy việc truy thu, điều chỉnh quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN và giải quyết các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN cho bà **Phạm Thị Bích T** thuộc thẩm quyền chuyên môn của cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc truy đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN trong những ngày bà **Phạm Thị Bích T** không được làm việc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc **Công ty TNHH S** phải thực hiện nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà **Phạm Thị Bích T** trong những ngày bà **Phạm Thị Bích T** không được làm việc theo mức tiền lương đóng BHXH là 4.965.870 đồng/tháng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc **Công ty TNHH S** phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền là: $178.771.320 \text{ đồng} \times 3\% = 5.363.140 \text{ đồng}$.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 70, 71, 91, 92, 96, 97, 147, 186, 227, 228, 235, 238, 244, 266, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 13, 14, 36, 39, 41, 168 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 2, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 43 của Luật Việc làm năm 2013; Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 41, 43 của ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị Bích T** đối với **Công ty TNHH S** về việc “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

1.1. Tuyên bố: Quyết định số 161/2022/QĐTV-AFM ngày 20/11/2022 của **Công ty TNHH S** đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà **Phạm Thị Bích T** là trái pháp luật.

1.2. Buộc **Công ty TNHH S** phải thanh toán tiền lương cho bà **Phạm Thị Bích T** trong những ngày bà **Phạm Thị Bích T** không được làm việc từ ngày 20/11/2022 đến ngày 20/9/2025 là 168.839.580 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi đồng).

1.3. Buộc **Công ty TNHH S** phải thanh toán 02 tháng tiền lương cho bà **Phạm Thị Bích T** do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là: 9.931.740 đồng (chín triệu, chín trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng).

1.4. Tổng cộng số tiền **Công ty TNHH S** phải thanh toán cho bà **Phạm Thị Bích T** là: 178.771.320 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

1.5. Buộc **Công ty TNHH S** phải thực hiện nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà **Phạm Thị Bích T** trong những ngày bà **Phạm Thị Bích T** không được làm việc theo mức tiền lương đóng BHXH là 4.965.870 đồng/tháng.

1.6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: **Công ty TNHH S** phải chịu 2.241.855 (hai triệu hai trăm bốn mươi một nghìn tám trăm năm mươi lăm) đồng án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án/ Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật này; việc thỏa thuận thi hành

án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án và thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 3 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự TP. Đồng Nai;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Và Kíu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quang Hoạch Vũ Xuân T5

Trần Và kiu

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 3 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự TP. Đồng Nai;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Và Kíu